

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/DSST

Ngày: 31/8/2022

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà H' Win Niê.

2/ Ông Nguyễn Văn Lam.

Thư ký phiên tòa: Ông Lương Công Hà - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Cát Càng - Kiểm sát viên.

Ngày 31/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 152/2022/TLST-DS ngày 27/6/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2022/QĐXXST-DS ngày 03/8/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 64/QĐST-DS ngày 24/8/2022 giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số 02 L, quận B Tp. H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T.

Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế T.

Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N.

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đ.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đặng Quốc D. (Có mặt).

Chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Ngân hàng N.

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Ông Trần Văn Hường và bà Nguyễn Thị N.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Quang H, sinh năm 2000.

Cùng địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện K, tỉnh Đ.

(Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn ông Đặng Quốc D trình bày:

Trong năm 2017 và 2018 ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị N có ký kết với Ngân hàng N để vay tổng số tiền là 600.000.000 đồng theo 02 hợp đồng tín dụng, cụ thể:

+ Khoản vay 1: Theo hợp đồng tín dụng số 5227LAV201702579 ngày 20/10/2017 thì Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh Ea Toh - Bắc Đăk Lăk, có cho ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị N vay số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Thời hạn vay 42 tháng. Lãi suất trong hạn là 11%/năm, lãi suất quá hạn là 17.3%/năm, lãi suất chậm trả 10%/năm. Mục đích vay: Mua sắm vật dụng sinh hoạt.

+ Khoản vay 2: Theo hợp đồng tín dụng số 5227LAV201801338 ngày 19/4/2018 thì ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị N vay tiếp số tiền 100.000.000 đồng. Thời hạn vay 01 năm. Lãi suất trong hạn là 10.5%/năm, lãi suất quá hạn là 15.8%/năm, lãi suất chậm trả 10%/năm. Mục đích vay: Mua sắm thiết bị máy móc sản xuất.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị N (có văn bản ủy quyền của con trai là Trần Quang H) đã ký kết hợp đồng thế chấp số 24107300178/HĐTCTS ngày ngày 19/10/2017. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất diện tích 8.274,5m² tại thửa đất số 71, tờ bản đồ số 31, địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện K, tỉnh Đ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số BQ 834686, do UBND huyện Krông Năng cấp ngày 22/01/2016 cho hộ ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị N.

Quá trình vay vốn tại Ngân hàng, đối với hợp đồng tín dụng số 5227LAV201702579 ngày 20/10/2017, thì ngày 18/4/2018 ông H, bà N trả được số tiền gốc là 100.000.000 đồng. Đối với hợp đồng tín dụng số 5227LAV201801338 ngày 19/4/2018 thì ngày 27/4/2021 ông H, bà N đã trả được số tiền gốc là 20.000.000 đồng. Số tiền gốc còn nợ của 02 khoản vay là 480.000.000 đồng cùng với lãi suất cho đến nay ông H, bà N vẫn chưa trả. Ngân hàng đã trực tiếp làm việc yêu cầu ông H, bà N trả nợ hoặc bàn giao tài sản nhưng các bên thống nhất.

Do đó ngân hàng khởi kiện để yêu cầu ông H, bà N trả số nợ gốc của 02 hợp đồng là 480.000.000 đồng + lãi phát sinh cho ngân hàng theo quy định.

Sau khi ông H, bà N toán hết toàn bộ số nợ cho Ngân hàng thì ngân hàng sẽ có trách nhiệm giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông H, bà N đã thế chấp để đảm bảo khoản vay. Nếu vi phạm kỳ hạn trả nợ thì ngân hàng được quyền đề nghị thi hành án phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất của hộ ông H, bà N đã được thế chấp ghi cụ thể trong hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ theo quy định.

- Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Bị đơn ông Trần Văn H tại phiên tòa hôm nay vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, ông H trình bày:

Công nhận năm 2017 và năm 2018 vợ chồng ông có vay của ngân hàng N, tổng số tiền là 600.000.000 đồng theo 02 hợp đồng tín dụng, cụ thể:

- Theo hợp đồng tín dụng số 5227LAV201702579 ngày 20/10/2017 vay 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Thời hạn vay 42 tháng. Lãi suất trong hạn là 11%/năm, lãi suất quá hạn là 17.3%/năm, lãi suất chậm trả 10%/năm. Mục đích vay: Mua sắm vật dụng sinh hoạt.

- Theo hợp đồng tín dụng số 5227LAV201801338 ngày 19/4/2018 vay tiếp số tiền 100.000.000 đồng. Thời hạn vay 01 năm. Lãi suất trong hạn là 10.5%/năm, lãi

suất quá hạn là 15.8%/năm, lãi suất chậm trả 10%/năm. Mục đích vay: Mua sắm thiết bị máy móc sản xuất.

Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất có diện tích 8.274,5m² tại thửa đất số 71, tờ bản đồ số 31, địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện K, tỉnh Đ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số BQ 834686, do UBND huyện K cấp ngày 22/01/2016 cho hộ ông Trần Văn H và bà Trần Thị N.

Quá trình vay vốn tại Ngân hàng, đối với hợp đồng tín dụng số 5227LAV201702579 ngày 20/10/2017, thì ngày 18/4/2018 trả được số tiền gốc là 100.000.000 đồng. Đối với hợp đồng tín dụng số 5227LAV201801338 ngày 19/4/2018 thì ngày 27/4/2021 đã trả được số tiền gốc là 20.000.000 đồng. Số tiền gốc còn nợ của 02 khoản vay là 480.000.000 đồng cùng với lãi suất cho đến nay vẫn chưa trả.

Do đó ngân hàng khởi kiện để yêu cầu vợ chồng ông H trả số nợ gốc của 02 hợp đồng là 480.000.000 đồng + lãi phát sinh cho ngân hàng theo quy định thì ông H đề nghị ngân hàng cho vợ chồng ông H trả dần số tiền gốc. Đối với tiền lãi, đề nghị ngân hàng giảm lãi hoặc đồng ý để ngân hàng tìm người mua đất, ông H đồng ý bán đất để trả hết nợ cho ngân hàng.

Nếu vi phạm kỳ hạn trả nợ thì ngân hàng được quyền đề nghị thi hành án phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất đã được thế chấp ghi cụ thể trong hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ theo quy định.

- Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trần Quang H tại phiên tòa hôm nay vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà Nguyễn Thị N và anh Trần Quang H đều vắng mặt nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt; bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số nợ:

HĐXX xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Văn H xác định ngày 20/10/2017 vợ chồng ông H có vay của ngân hàng N số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Thời hạn vay 42 tháng. Lãi suất trong hạn là 11%/năm. Mục đích vay: Mua sắm vật dụng sinh hoạt và ngày 19/4/2018 vay tiếp số tiền 100.000.000 đồng. Thời hạn vay 01 năm. Lãi suất trong hạn là 10.5%/năm, lãi suất quá hạn là 15.8%/năm, lãi suất chậm trả 10%/năm. Mục đích vay: Mua sắm thiết bị máy móc sản xuất. Quá trình vay vốn tại Ngân hàng, đối với hợp đồng tín dụng số 5227LAV201702579 ngày 20/10/2017, thì ngày 18/4/2018 vợ chồng ông H đã trả

được số tiền gốc là 100.000.000 đồng. Đối với hợp đồng tín dụng số 5227LAV201801338 ngày 19/4/2018 thì ngày 27/4/2021 vợ chồng ông H đã trả được số tiền gốc là 20.000.000 đồng. Số tiền gốc còn nợ của 02 khoản vay là 480.000.000 đồng cùng với lãi suất cho đến nay vẫn chưa trả.

Mặc dù giữa Ngân hàng và ông H cũng đã tiến hành làm việc với nhau về việc thanh toán nợ hoặc giao tài sản đảm bảo để Ngân hàng xử lý thu hồi nợ nhưng ông H không thống nhất.

Như vậy, khi ký kết hợp đồng vay tài sản, giữa các bên có thỏa thuận với nhau thời gian cụ thể ông H, bà N phải thanh toán tiền vay cho ngân hàng. Đến nay mặc dù ngân hàng đã nhắc nhở nhiều lần nhưng phía ông H, bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn. Như vậy, ông H, bà N đã vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay đối với ngân hàng theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự, do đó Ngân hàng cầu khởi kiện yêu cầu ông H, bà N phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ vay là hoàn toàn phù hợp nên cần chấp nhận, buộc ông H, bà N phải liên đới trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tổng số tiền gốc 480.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo 02 hợp đồng tín dụng tính đến ngày 31/8/2022 (ngày xét xử) là: 310.959.028 đồng.

Đồng thời buộc ông H, bà N phải chịu lãi suất tiếp theo đối với số nợ gốc theo thỏa thuận của 02 hợp đồng kể từ ngày 01/9/2022 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ nợ cho Ngân hàng.

[4] Về xử lý tài sản thế chấp: Khi vay tiền ông H, bà N (có văn bản ủy quyền của anh Trần Quang H) đã thế chấp quyền sử dụng đất số BQ 834686, do UBND huyện K cấp ngày 22/01/2016 cho hộ ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị N.

Trong trường hợp ông H, bà N không trả được số nợ gốc và lãi suất phát sinh thì Ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp còn lại của ông H, bà N để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[6] Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Quang H, Tòa án nhân dân huyện K đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho anh H để anh H thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc. Do đó HĐXX không đặt ra xem xét đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh H.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét bị đơn có đơn xin miễn tiền án phí vì gia đình thuộc diện hộ cận nghèo nên cần miễn nộp tiền án phí cho bị đơn.

Ngân hàng N được nhận lại khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147, Điều 184; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Luật án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

Buộc ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị N phải trả cho Ngân hàng N tổng số tiền 790.959.028 đồng.

Trong đó: Nợ gốc: 480.000.000 đồng và lãi suất phát sinh đến ngày 31/8/2022 là 310.959.028 đồng. Bao gồm:

- Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 5227LAV201702579 ngày 20/10/2017: Nợ gốc là: 400.000.000 đồng và lãi suất đến ngày 31/8/2022, bao gồm: lãi trong hạn: 186.555.556 đồng; lãi quá hạn: 46.391.319 đồng và lãi chậm trả: 22.988.606 đồng.

- Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 5227LAV201801338 ngày 19/4/2018: Nợ gốc là: 80.000.000 đồng; lãi suất đến ngày 31/8/2022, bao gồm: lãi trong hạn: 37.765.479 đồng; lãi quá hạn: 11.000.548 đồng và lãi chậm trả: 6.257.519 đồng.

Kể từ ngày 01/9/2022 cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn mà các bên đã thỏa thuận ký kết trong các hợp đồng tín dụng số 5227LAV201702579 ngày 20/10/2017 và hợp đồng tín dụng số 5227LAV201801338 ngày 19/4/2018.

Sau khi ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị N trả hết toàn bộ số nợ cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N trả lại cho ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị N giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 834686, do UBND huyện K cấp ngày 22/01/2016 cho hộ ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị N.

[2] Trong trường hợp ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị N không trả nợ hoặc trả không hết nợ thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu xử lý tài sản mà ông H, bà N đã thế chấp cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp số 24107300178/HĐTCTS ngày 19/10/2017. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất có diện tích 8.274,5m² tại thửa đất số 71, tờ bản đồ số 31, địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện K, tỉnh Đ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở số BQ 834686, do UBND huyện Krông Năng cấp ngày 22/01/2016 cho hộ ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị N.

[3] Về án phí: Ông Trần Văn H, bà Nguyễn Thị N được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng N được nhận lại số tiền 16.814.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 60AA/2021/0009071 ngày 17/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đ.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quyết định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- THADS huyện Krông Năng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Thu Trang